

Bản án số: 283/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Chanh và ông Phùng Văn Tàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 865/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình U, sinh ngày 10/6/1990; ĐKKHKT và nơi ở: Số D TT28 KĐT V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/9/1994; ĐKKHKT: Số D TT28 KĐT V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: P C Khu Đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Nguyễn Đình U trình bày:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình U và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung và phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm từ năm 2021, ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay; đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải và vợ chồng có nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay anh U thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết cho anh U ly hôn chị H.

[1.2]. *Về con chung*: Vợ chồng anh U và chị H có 01 con chung là Nguyễn Đình Minh K, sinh ngày 21/7/2019, khi ly hôn anh U muốn được nuôi con, không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con, chị H có muốn đóng góp tiền nuôi con thì tùy chị H, đề nghị Tòa án giải quyết.

[1.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*:

- Tài sản chung: Vợ chồng anh U và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Vợ chồng anh U và chị H không có nợ chung với ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4]. *Về án phí*: Anh U tự nguyện nộp toàn bộ án phí, số tiền 300.000 đồng.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. *Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H xác nhận chị và anh U kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp; chị H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như lời khai của anh U. Nay anh U có đơn xin ly hôn, chị H nhất trí, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2]. *Về con chung*: Vợ chồng chị H và anh U có 01 con chung là Nguyễn Đình Minh K, sinh ngày 21/7/2019, khi ly hôn chị H muốn được nuôi con, chị có yêu cầu anh U đóng góp tiền nuôi con, mức đóng góp tiền nuôi con thì tùy anh U, đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H xác nhận như lời khai của anh U.

[2.4]. *Về án phí*: Chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. *Tại phiên tòa:*

[3.1]. Nguyên đơn - anh Nguyễn Đình U giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không thể hòa giải để về chung sống với nhau được; đồng thời giữ nguyên lời khai như trên về việc nuôi con.

[3.2]. Bị đơn - chị Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn với anh U; đồng thời giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày tại các bản khai và phiên hòa giải về việc nuôi con; xuất trình tài liệu là bản sao Giấy Chứng nhận hộ kinh doanh, chị H là Chủ hộ kinh doanh đèn trang trí Simona.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

[4.1]. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2]. Về nội dung vụ án và hướng giải quyết:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đình U, anh Nguyễn Đình U được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Minh K cho anh Nguyễn Đình U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đình U nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đình U và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị H là hợp pháp. Nay anh U khởi kiện xin ly hôn chị H và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con; chị H là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số D TT28 KĐT V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: P C Khu Đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đình U và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 23/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm từ năm 2021, chị H chuyển đi nơi khác sinh sống nên vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay; vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải và vợ chồng có nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Khi Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, cả anh U và chị H đều đồng thuận ly hôn do hết tình cảm với nhau nên Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành. Thực tế, anh U và chị H đã có thời gian dài sống ly thân, chị H chuyển đi ở chỗ khác, mỗi người có một cuộc sống riêng, hai vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đây là các biểu hiện chứng minh vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh U, cho anh U được ly hôn với chị H.

[2.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Đình U và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Minh K, sinh ngày 21/7/2019, hiện đang do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2.1]. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: anh U và chị H đều muốn mình được trực tiếp nuôi con chung.

- Anh U trình bày lý do anh U là con trai duy nhất của bố mẹ anh, cháu K là cháu trai duy nhất của gia đình anh U. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại phiên tòa, anh U đều thể hiện mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, nếu được nuôi con, anh U không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con; đồng thời khẳng định sẽ có trách nhiệm và đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt. Anh U giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng minh công việc và thu nhập ổn định của mình đó là: Hợp đồng lao động, Giấy xác nhận lương và sao kê tài khoản Ngân hàng. Bố mẹ anh U là ông Nguyễn Đình K1 và bà Nguyễn Thị T có đơn gửi Tòa án đề nghị Tòa án xem xét cho anh U được nuôi cháu K vì anh U và con trai duy nhất của ông bà, cháu K là cháu trai duy nhất của dòng họ có vai trò nối dõi tông đường và gánh vác việc thờ cúng tổ tiên, vì vậy ông bà nội của cháu K muốn được cùng với bố cháu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu với các điều kiện tốt nhất cho cháu.

- Chị H trình bày lý do cháu K hiện gần 6 tuổi, con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị H muốn trực tiếp nuôi con; mặt khác nếu giao con cho anh U nuôi dưỡng thì anh U sẽ cho con về quê nên không bảo đảm môi trường tốt nhất cho con. Chị H giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng minh công việc và thu nhập ổn định của mình đó là: Giấy đăng ký hộ kinh doanh và sao kê tài khoản Ngân hàng của chị

H. Nếu được nuôi con, chị H yêu cầu anh U có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con theo trách nhiệm của người bố, đóng góp bao nhiêu là tùy anh U.

Xét thấy, anh U và chị H chỉ có 01 con chung, cả anh U và chị H đều thể hiện tình cảm sâu sắc và trách nhiệm rất cao với con chung, mỗi người đều mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con; đồng thời anh U và chị H đều xuất trình được tài liệu chứng minh thu nhập của mình là điều kiện bảo đảm về vật chất để có thể nuôi con tốt. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả anh U và chị H đều thừa nhận tình cảm và trách nhiệm của bên kia dành cho con chung. Do anh U và chị H không thỏa thuận được với nhau về việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để quyết định quyền nuôi con trên cơ sở bảo đảm sự phát triển ổn định và tốt nhất cho con chưa thành niên. Theo nội dung trình bày thì anh U không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con; chị H có yêu cầu anh U đóng góp tiền nuôi con theo trách nhiệm và mức đóng góp tùy anh U. Chị H hiện đang cư trú tại địa chỉ Phòng số 411 CT4C Khu Đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội chị H khai là nhà ở nhờ, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ nơi chị H đang cư trú hiện nay, kết quả chị H chưa đăng ký tạm trú. Mặt khác, cháu K hiện đã gần 06 tuổi, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, là cháu trai duy nhất của gia đình anh U, bản thân bố, mẹ anh U - là ông bà nội của cháu K cũng xác định trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm các điều kiện tốt nhất để cháu K được lớn lên trong môi trường gia đình đầy đủ tình cảm và sự chăm sóc tốt nhất, ý kiến của ông bà nội cháu K đã thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với tinh thần kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 2 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao cho anh U được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Minh K.

[2.2.2]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Anh U tự nguyện không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Đình Minh K nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.2.3]. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn: các bên thực hiện theo các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, anh U là nguyên đơn phải chịu án phí. Trước khi mở phiên tòa, anh U và chị H đã tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa

thuận được về con chung, tuy nhiên anh U tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên ghi nhận sự tự nguyện của anh U.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

X: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đình U.

1. Anh Nguyễn Đình U được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

- Giao anh Nguyễn Đình U nuôi cháu Nguyễn Đình Minh K, sinh ngày 21/7/2019 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Buộc chị Nguyễn Thị H phải giao cháu Nguyễn Đình Minh K cho anh Nguyễn Đình U nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Anh Nguyễn Đình U tự nguyện không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Đình Minh K nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn: Anh Nguyễn Đình U và chị Nguyễn Thị H thực hiện theo quy định tại các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đình U và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đình U nộp toàn bộ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0044588 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/4/2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh